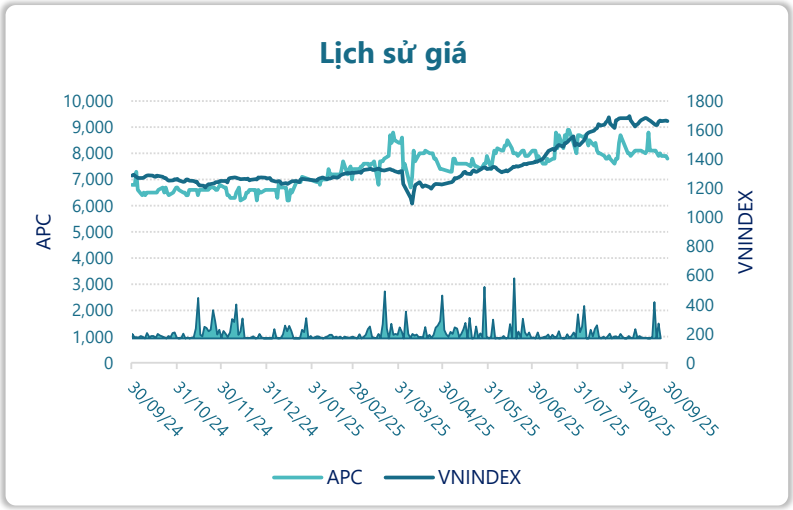
FireAnt

CTCP Chiếu xạ An Phú (UPCOM: APC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,800
% sở hữu nước ngoài	14.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
P/E	-6.4
EPS	-1,228

DT thuần

Q3/25

31.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.10| 7.4%

YoY: ▼4.10| -11.6%

LN sau thuế

Q3/25

-3.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.17| 47.9%

YoY: ▼2.51| -270%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-0.6%

+/- YoY: ▼ 12.0%

DT thuần

9T 2025

85.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.0| -13.1%

LN sau thuế

9T 2025

-18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.60| -24.9%

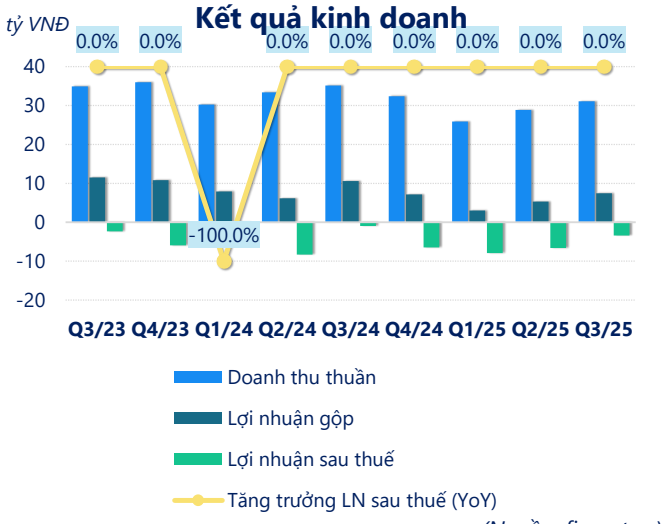
ROE

Q3/25

-4.3%

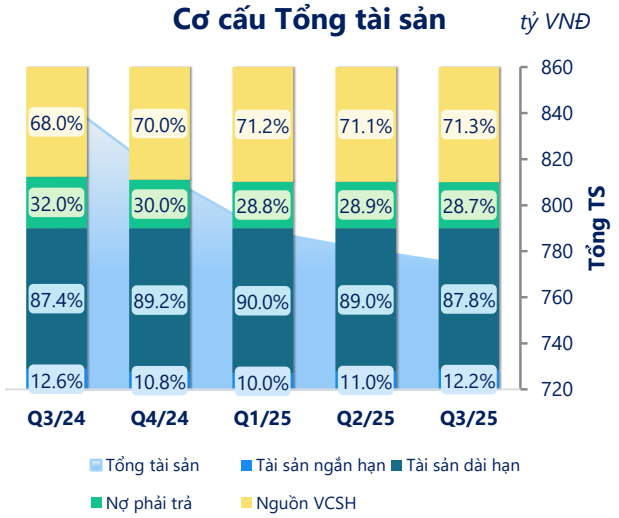
+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh



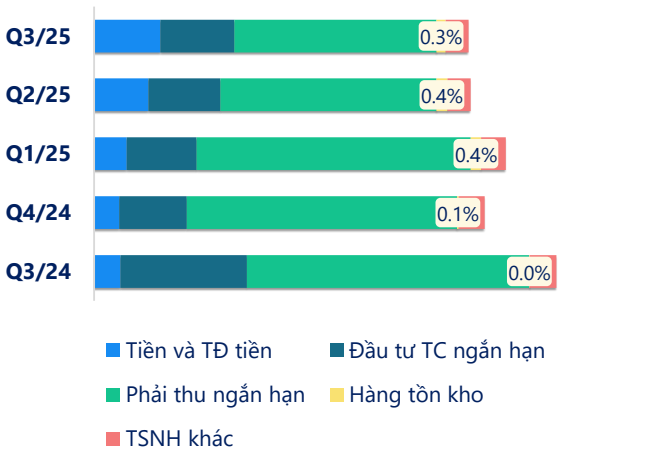
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



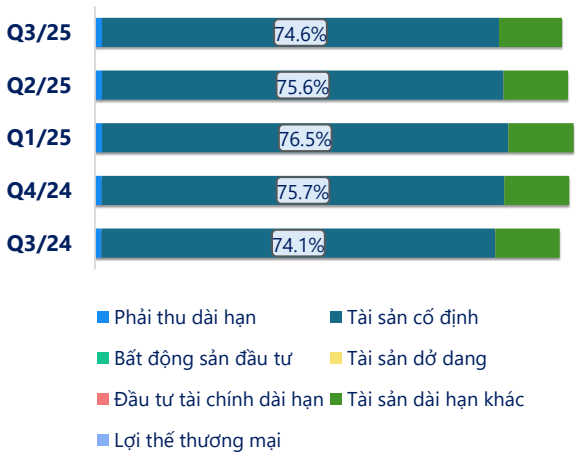
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



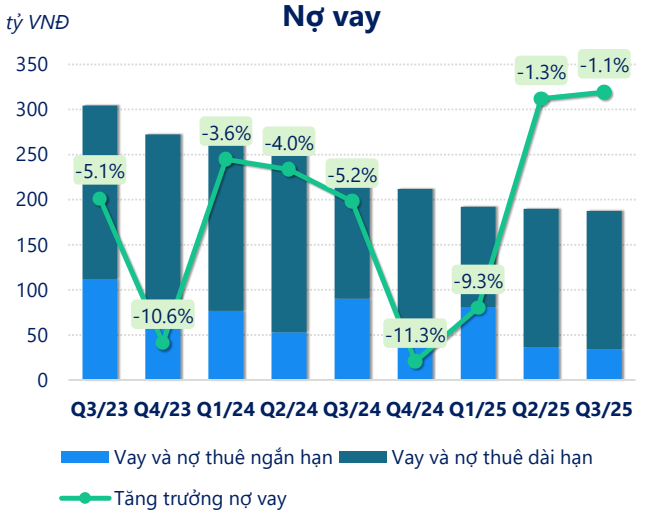
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



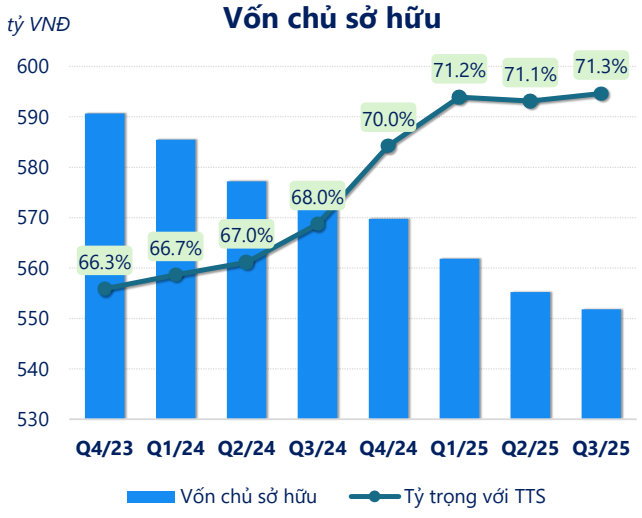
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



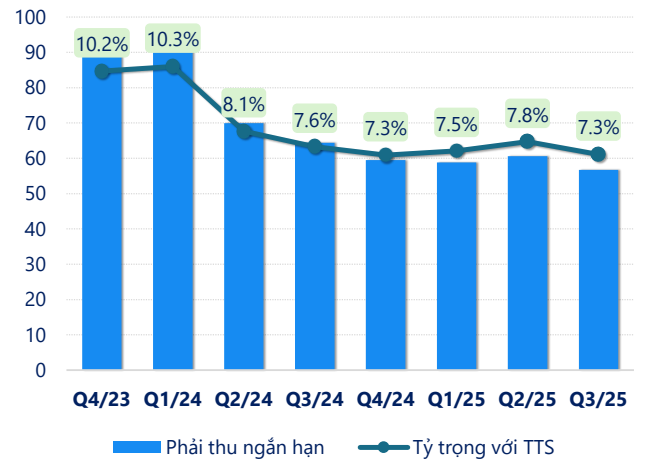
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



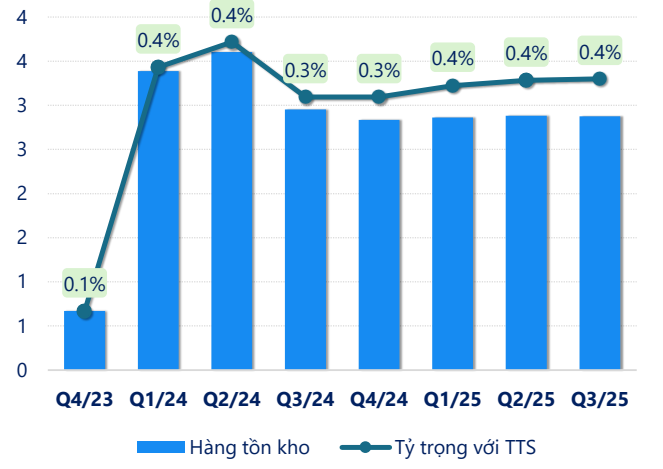
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



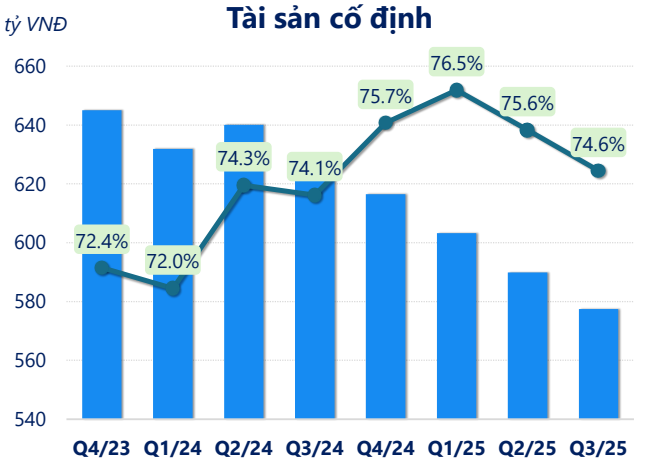
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



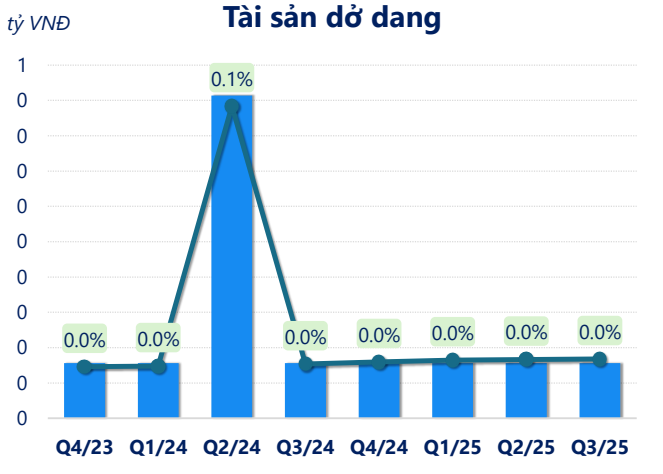
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



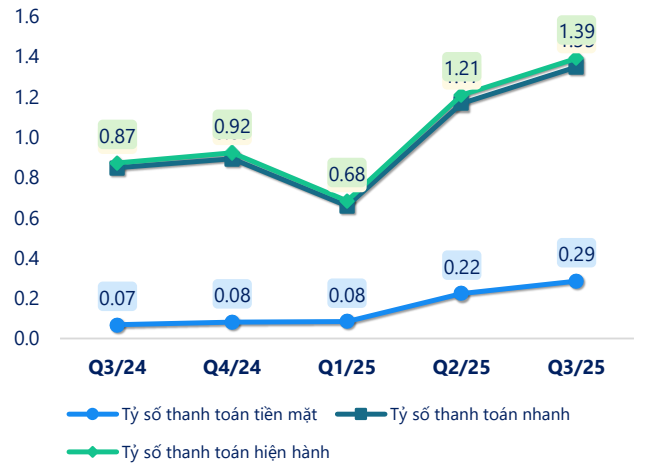
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



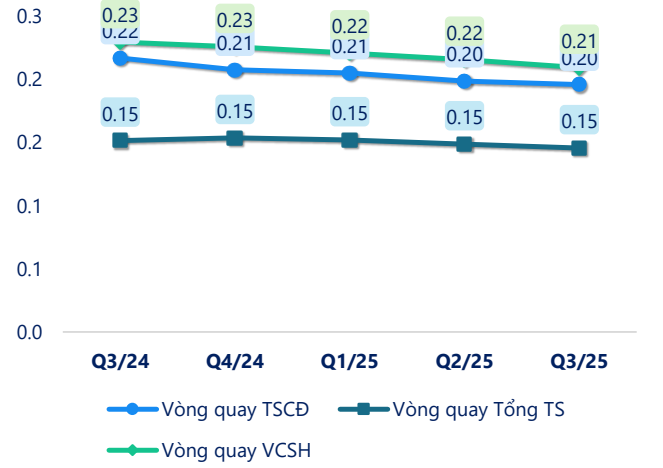
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**848**	**814**	**789**	**781**	**774**
Tài sản ngắn hạn	**107**	**87.9**	**78.7**	**86.1**	**94.2**
Tiền và tương đương tiền	8.37	7.69	9.66	15.9	19.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.6	10.6	0	0	9.58
Phải thu ngắn hạn	64.4	59.5	58.8	60.6	56.7
Hàng tồn kho	2.95	2.83	2.86	2.88	2.87
Tài sản ngắn hạn khác	7.32	7.22	7.33	6.67	5.75
Tài sản dài hạn	**741**	**726**	**710**	**695**	**680**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	10.3	10.3	10.3
Tài sản cố định	628	616	603	590	577
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	103	99.4	96.6	94.4	91.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**271**	**244**	**227**	**225**	**222**
Nợ ngắn hạn	**122**	**95.2**	**115**	**71.2**	**67.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.2	63.2	80.8	36.0	34.0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	11.7	11.8	12.8	12.8
Nợ dài hạn	149	149	112	154	154
Vay và nợ thuê dài hạn	149	149	111	154	154
Nguồn vốn chủ sở hữu	**576**	**570**	**562**	**555**	**552**
Vốn chủ sở hữu	**576**	**570**	**562**	**555**	**552**
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)